

KẾ HOẠCH

Rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng

Thực hiện Công văn số 397/TĐKT ngày 04/10/2017 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc rà soát khen thưởng kháng chiến, Hướng dẫn số 433/HD-BTĐKT ngày 30/10/2017 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thể hiện sự tri ân và ghi nhận của Đảng và nhà nước về những đóng góp, hy sinh của các liệt sỹ, cá nhân và gia đình có công với cách mạng;
- Thông qua việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến tồn đọng để những cá nhân, gia đình có công trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được kịp thời khen thưởng và thực hiện các chế độ liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi của các cá nhân, gia đình có công;
- Hoàn thành công tác khen thưởng thành tích kháng chiến tồn đọng trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo dân chủ, công khai và đảm bảo phương châm “đúng thành tích”, “không khen trùng” “không bỏ sót”.
- Tuân thủ trình tự, thủ tục, hồ sơ khen thưởng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Khen thưởng kháng chiến chống Pháp

1.1. Cơ sở pháp lý

- Thông tư số 15-TTg ngày 12/01/1961 của Phủ Thủ tướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến đã được bổ sung do Thông tư số 75-TTg ngày 27/2/1961.
- Thông tư số 84-TTg ngày 22/8/1962 của Phủ Thủ tướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành việc khen thưởng nhân dân có công trong kháng chiến.
- Công văn số 305/TĐKT ngày 18/6/1999 của Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước về việc khẩn trương hoàn thành công tác khen thưởng thành tích trong kháng chiến và thành tích giúp đỡ cách mạng trước Tháng 8 năm 1945.
- Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành việc giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến.

- Công văn số 117/TĐKT ngày 19/02/2004 của Viện Thi đua, Khen thưởng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành việc giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến.

- Công văn số 837/BTĐKT-Vụ III ngày 27/5/2011 của Ban TĐKT Trung ương về việc giải quyết dứt điểm khen thưởng tổng kết kháng chiến tồn đọng;

- Công văn số 169/BTĐKT ngày 23/6/2011 của Ban TĐKT tỉnh về việc giải quyết dứt điểm tồn đọng khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ;

- Công văn số 219/BTĐKT ngày 11/8/2011 của Ban TĐKT tỉnh về việc hướng dẫn bổ sung khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ;

- Hướng dẫn số 433/HD-BTĐKT ngày 30/10/2017 của Ban TĐKT tỉnh về việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng.

1.2. Đối tượng

- Cán bộ, công nhân, viên chức công tác ở các cơ quan Nhà nước từ cấp trung ương đến huyện;

- Cán bộ chuyên trách và nhân viên công tác ở các đoàn thể từ cấp trung ương đến huyện;

- Cán bộ công nhân, viên chức các xí nghiệp quốc doanh;

- Cán bộ các cơ quan chính quyền và đoàn thể ở xã;

- Cán bộ chỉ huy và đội viên các đội du kích do chính quyền địa phương tổ chức và lãnh đạo;

- Thanh niên xung phong chuyên hoạt động phục vụ kháng chiến;

- Cá nhân, gia đình đã tích cực tham gia kháng chiến hoặc tích cực giúp đỡ kháng chiến; những cán bộ thôn, xóm thường xuyên có công tác.

Các đối tượng khen thưởng nêu trên, không đặt vấn đề tiếp tục xem xét khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp, thành tích nhân dân giúp đỡ cách mạng trước Tháng 8 năm 1945, *trừ những trường hợp thật đặc biệt, có lý do khách quan, chính đáng, thành tích rõ ràng, có đủ căn cứ được hướng dẫn cụ thể tại điểm c, khoản 2, Công văn số 117/TĐKT ngày 19/02/2004 của Viện Thi đua, Khen thưởng Nhà nước.*

Đối tượng là lực lượng vũ trang không thuộc thẩm quyền xem xét; những đối tượng đã thẩm định không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, không thuộc đối tượng xem xét; những đối tượng đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ, nay không xem xét rà soát đợt này.

1.3. Tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn đối với cán bộ, công nhân, viên chức, thanh niên xung phong, đội viên (gọi chung là cán bộ) quy định tại mục III Thông tư số 15-TTg ngày 12/01/1961 của Phủ Thủ tướng.

- Tiêu chuẩn đối với nhân dân quy định tại mục III Thông tư số 84-TTg ngày 22/8/1962 của Phủ Thủ tướng.

1.4. Mốc thời gian

- Mốc thời gian để tính thành tích chống Pháp từ ngày 19/12/1946 (ngày Toàn quốc kháng chiến) đến ngày 20/7/1954.

Lực lượng du kích tính từ tháng 3/1947 (ngày Pháp đổ bộ vào Đồng Hới, Quảng Bình) đến ngày 20/7/1954.

Lưu ý:

- Khen thưởng chống Pháp, khen theo chức vụ lấy năm công tác thực tế không nhân hệ số.

- Những người trước đây bị quy sai thành phần, sau khi cải cách ruộng đất không có quyết định sửa sai thì không được xem xét khen thưởng.

- Người hoạt động kháng chiến chống Pháp ở địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó trình hồ sơ khen thưởng.

1.5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1.5.1. Đối với cá nhân, gia đình

- Bản khai thành tích theo mẫu;

- Các giấy tờ liên quan để làm căn cứ xét thưởng, gồm:

+ Đối tượng là cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc, bộ đội phục viên, xuất ngũ, ... thực hiện theo Phụ lục kèm theo Công văn số 305/TĐKT ngày 18/6/1999 của Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước.

+ Đối tượng hoạt động ở địa phương thực hiện theo Công văn số 169/BTĐKT ngày 23/6/2011 và Công văn số 219/BTĐKT ngày 11/8/2011 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

- Đơn trình bày của cá nhân có xác nhận của địa phương nơi cư trú, nêu rõ lý do đến nay mới làm hồ sơ đề nghị khen thưởng;

1.5.2. Đối với UBND cấp xã

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

- Biên bản họp xét;

- Báo cáo kết quả niêm yết công khai kết quả xét duyệt của xã, thị trấn;

- Các loại hồ sơ giấy tờ tại điểm 1.5.1 Mục này.

2. Khen thưởng kháng chiến chống Mỹ

2.1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước ban hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ;

- Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc Hướng dẫn thi hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ cứu nước;

- Công văn số 305/TĐKT ngày 18/6/1999 của Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước về việc khẩn trương hoàn thành công tác khen thưởng thành tích trong kháng chiến và thành tích giúp đỡ cách mạng trước Tháng 8 năm 1945;

- Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành việc giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến;

- Công văn số 117/TĐKT ngày 19/02/2004 của Viện Thi đua, Khen thưởng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành việc giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến;

- Công văn số 837/BTĐKT-Vụ III ngày 27/5/2011 của Ban TĐKT Trung ương về việc giải quyết dứt điểm khen thưởng tổng kết kháng chiến tồn đọng;

- Công văn số 169/BTĐKT ngày 23/6/2011 của Ban TĐKT tỉnh về việc giải quyết dứt điểm tồn đọng khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ;

- Công văn số 219/BTĐKT ngày 11/8/2011 của Ban TĐKT tỉnh về việc hướng dẫn bổ sung khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ;
- Hướng dẫn số 433/HD-BTĐKT ngày 30/10/2017 của Ban TĐKT tỉnh về việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng.

2.2. Đối tượng

- Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, gồm: Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vũ trang và Công an nhân dân hoặc An ninh nhân dân;
- Cán bộ, công nhân, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, kể cả công nhân quốc phòng và cán bộ các đoàn thể Cách mạng;
- Thanh niên xung phong được tổ chức trong thời kỳ 1965-1975 theo Chỉ thị số 71-CP ngày 25/6/1965 của Hội đồng Chính phủ;
- Các đối tượng được xét khen thưởng theo tiêu chuẩn chung (Cán bộ xã; trưởng phó các đoàn thể nhân dân; cán bộ hợp tác xã) quy định tại điểm 4, khoản I, Mục A Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Các đối tượng được xét khen thưởng theo tiêu chuẩn chung với điều kiện phải tăng lên 02 năm (cán bộ xã; cán bộ ấp, thôn, xóm; cán bộ hợp tác xã; cán bộ khối phố) quy định tại điểm 5, khoản I, Mục A Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Tự vệ và dân quân du kích (ở miền Bắc, ở miền Nam)
- Cán bộ xã, phường, thôn, ấp, cán bộ hợp tác xã, tự vệ và dân quân du kích;
- Những người không phải là cán bộ, chiến sĩ mà có thành tích kháng chiến chống Mỹ cứu nước (nhân dân).

2.3. Mốc tính thời gian và mức khen thưởng

2.3.1. Mốc tính thời gian:

2.3.1.1. Thời gian để tính thành tích:

Từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975.

2.3.1.2. Cách tính thời gian:

- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Bình trở ra, từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1,25;
- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Trị trở vào, Lào, Campuchia (B, C, K): nhân hệ số 1,5;
- Đối với cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc:
 - + Từ ngày 20/7/1954 đến tháng 7/1964: nhân hệ số 1;
 - + Từ ngày 5/8/1964 đến ngày 28/01/1973: nhân hệ số 1,25 (vùng thường xuyên có chiến sự từ Nghệ An vào đến Vĩnh Linh);
 - + Từ tháng 02/1973 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1.
- Đối với đối tượng hoạt động ở địa phương:
 - + Đối tượng là cán bộ chủ chốt: nhân hệ số như cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc;
 - + Đối tượng là cán bộ không chủ chốt phải giảm đi 2 năm: tức là nhân hệ số 0,7 (nếu đủ 7 năm công tác thì trừ đi 2 năm sau đó nhân hệ số vùng chiến sự).
- Những đối tượng trước đây đã thẩm định không thuộc đối tượng, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, những đối tượng đã được khen thưởng theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ nay không xem xét rà soát đợt này.

2.3.2. Mức khen thưởng đã nhân hệ số:

- + Huân chương kháng chiến hạng Nhất: từ 20 năm trở lên;
- + Huân chương kháng chiến hạng Nhì: từ 15 năm đến dưới 20 năm;
- + Huân chương kháng chiến hạng Ba: từ 10 năm đến dưới 15 năm;
- + Huy chương kháng chiến hạng Nhất: từ 07 năm đến dưới 10 năm;
- + Huy chương kháng chiến hạng Nhì: từ 05 năm đến dưới 07 năm.

Riêng Thương binh xếp hạng Thương tật từ 61% trở lên được nâng một mức khen thưởng; Liệt sĩ được khen thưởng mức thấp nhất là Huân chương kháng chiến hạng Ba; Người tham gia kháng chiến chưa đủ năm xét khen thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, nhưng có Giấy chứng nhận tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh và có thời gian tham gia kháng chiến được 01 năm trở lên thì vẫn được xét tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Người tham gia kháng chiến không đủ 1/3 thời gian chống chiến tranh phá hoại (02 năm 09 tháng) bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên thì hạ một mức khen thưởng, bị án phạt tù hoặc buộc thôi việc thì không được khen thưởng.

2.4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

2.4.1. Đối với cá nhân, gia đình

- Bản khai thành tích theo mẫu;
- Các giấy tờ liên quan để làm căn cứ xét thưởng, gồm:
 - + Đối tượng là cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc, bộ đội phục viên, xuất ngũ, ... thực hiện theo Phụ lục kèm theo Công văn số 305/TĐKT ngày 18/6/1999 của Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước.
 - + Đối tượng hoạt động ở địa phương thực hiện theo Công văn số 169/BTĐKT ngày 23/6/2011 và Công văn số 291/BTĐKT ngày 11/8/2011 của Ban Thi đua - Khen thưởng.

- Đơn trình bày của cá nhân có xác nhận của địa phương nơi cư trú, nêu rõ lý do đến nay mới làm hồ sơ đề nghị khen thưởng.

2.4.2. Đối với UBND cấp xã

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- Biên bản họp xét;
- Báo cáo kết quả niêm yết công khai kết quả xét duyệt của xã, thị trấn;
- Các loại hồ sơ giấy tờ tại điểm 2.4.1 Mục này.

2.4. Cách tính thời gian kháng chiến nhân hệ số đề nghị mức khen thưởng

- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Bình trở ra, từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1,25;
- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Trị trở vào, Lào, Campuchia (B, C, K): nhân hệ số 1,5;
- Đối với cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc:
 - + Từ ngày 20/7/1954 đến tháng 7/1964: nhân hệ số 1;
 - + Từ ngày 5/8/1964 đến ngày 28/01/1973: nhân hệ số 1,25 (vùng thường xuyên có chiến sự từ Nghệ An vào đến Vĩnh Linh);
 - + Từ tháng 02/1973 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1.
- Đối với đối tượng hoạt động ở địa phương:
 - + Đối tượng là cán bộ chủ chốt: nhân hệ số như cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc;
 - + Đối tượng là cán bộ không chủ chốt phải giảm đi 2 năm: tức là nhân hệ số 0,7 (nếu đủ 7 năm công tác thì trừ đi 2 năm sau đó nhân hệ số vùng chiến sự).

- Những đối tượng trước đây đã thẩm định không thuộc đối tượng, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, những đối tượng đã được khen thưởng theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ nay không xem xét rà soát đợt này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các xã, thị trấn

1.1. Triển khai thực hiện Kế hoạch và thành lập Hội đồng rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến

- Triển khai, thông báo rộng rãi Kế hoạch này đến các thôn, bản, tổ dân phố để kịp thời rà soát các trường hợp cá nhân, gia đình người có công với cách mạng trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ còn tồn đọng, chưa được khen thưởng

- Thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ khen thưởng cấp xã do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã, thị trấn làm Chủ tịch Hội đồng xét duyệt; thành viên Hội đồng là đại diện các ban, ngành cấp xã liên quan; tổng số thành viên Hội đồng không quá 07 người (thư ký Hội đồng là công chức cấp xã có kinh nghiệm, am hiểu về lĩnh vực kháng chiến) để thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, phụ trách từng thôn, bản, tổ dân phố;

+ Tổ chức họp xét đảm bảo theo đúng đối tượng và tiêu chuẩn quy định. Trong các cuộc họp xét, Hội đồng có thể mời đại diện người cao tuổi, các lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt của xã qua các thời kỳ và những người có kinh nghiệm trong việc xét duyệt hồ sơ để được tư vấn thêm;

+ Hướng dẫn người có thành tích, đại diện thân nhân gia đình có thành tích kê khai, hoàn chỉnh hồ sơ trước khi tiếp nhận (có bản ký nhận hồ sơ cụ thể); chỉ nhận hồ sơ khi đã hoàn chỉnh;

+ Tổng hợp danh sách, hồ sơ và tổ chức xét duyệt; việc lập danh sách đề nghị khen thưởng phân loại, gồm: Khen thưởng chống Pháp và khen thưởng chống Mỹ xếp theo thứ tự thành tích từ cao đến thấp; danh sách khen thưởng đánh máy theo font chữ Times New Roman; file Exell (theo mẫu đính kèm);

+ Niêm yết công khai danh sách họp xét khen thưởng (ghi rõ thời gian tham gia hoạt động kháng chiến cụ thể) tại trụ sở UBND xã, thị trấn và tại thôn, bản, tổ dân phố nơi có người kê khai khen thưởng; Báo cáo kết quả niêm yết;


+ Lưu trữ hồ sơ khen thưởng tại cấp xã 01 bộ;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan (nếu có);

+ Báo cáo UBND cấp xã kết quả rà soát hồ sơ khen thưởng để xem xét trình cấp trên (UBND huyện) theo thẩm quyền.

(Lưu ý: Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp xã ban hành quyết định thành lập Hội đồng ở cấp xã, UBND xã phải gửi 01 Quyết định thành lập Hội đồng về Phòng Nội vụ để theo dõi, quản lý).

1.2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

- UBND cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, kiểm tra báo cáo kết quả rà soát hồ sơ khen thưởng ở cấp mình (do Hội đồng cấp xã báo cáo) trước khi trình UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) đảm bảo đúng đối tượng, đúng thành tích, đầy đủ hồ sơ. Hồ sơ đề nghị khen thưởng lập thành 03 bộ và nộp tại Phòng Nội vụ trước ngày 15/01/2018, gồm: 

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của UBND xã kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

- Biên bản họp xét của Hội đồng cấp xã;
- Báo cáo kết quả niêm yết của Hội đồng xét cấp xã;
- Bản khai hồ sơ và giấy tờ liên quan của cá nhân, gia đình (*Gửi thêm bản danh sách điện tử qua địa chỉ mail: noivulethuy@gmail.com*).

1.3. Một số yêu cầu khi cá nhân, gia đình kê khai hồ sơ

- Người còn sống trực tiếp kê khai hồ sơ khen thưởng (ở phần ký tên, nếu khen thưởng cá nhân thì cá nhân trực tiếp ký tên, nếu khen thưởng cho gia đình thì cả vợ và chồng cùng ký tên; trong trường hợp gia đình vợ hoặc chồng đã từ trần thì người còn sống ký tên và phía dưới phần ký tên ghi rõ vợ hoặc chồng đã từ trần.

- Đối với người đã từ trần, việc kê khai hồ sơ khen thưởng do 01 thân nhân đại diện được ủy quyền có xác nhận của UBND xã, thị trấn, kể cả trường hợp chỉ còn 01 thân nhân duy nhất còn sống.

2. Phòng Nội vụ huyện

- Tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ; Tổ giúp việc cho Hội đồng (có thể mời cán bộ có kinh nghiệm để tham gia việc xét duyệt) để tiếp nhận hồ sơ khen thưởng và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc xét duyệt đảm bảo xét duyệt đúng thành tích, đúng đối tượng theo quy định; Hội đồng có trách nhiệm rà soát, tham mưu UBND huyện trình Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng.

- Phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện cấp kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch này từ nguồn Quỹ thi đua khen thưởng huyện.

- Đôn đốc, hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch và hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ liên quan đến việc rà soát khen thưởng kháng chiến, trình Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét đảm bảo thời gian quy định.

(Đính kèm các văn bản tại điểm 1.1, khoản 1, Mục II và điểm 2.1, khoản 2, Mục II của Kế hoạch này)

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Nội vụ huyện để tổng hợp, báo cáo UBND huyện theo số điện thoại cố định: 0232.3964.414

Trên đây là Kế hoạch rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ còn tồn đọng, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. / *huud*

Nơi nhận

- Ban ĐKT tỉnh (B/c);
- TT Huyện ủy; TT UBND huyện;
- CT, PCT UBND huyện PT lĩnh vực;
- Thành viên HĐ ĐKT huyện;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bảo

Số: 397 / TĐKT

Quảng Bình, ngày 04 tháng 10 năm 2017

V/v rà soát khen thưởng kháng chiến

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Ngày 07/7/2017, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 2350/VPUBND-NC về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết dứt điểm khen thưởng thành tích kháng chiến trên địa bàn tỉnh. Để kịp thời giải quyết nội dung trên, Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương chỉ đạo giải quyết khen thưởng thành tích kháng chiến với nội dung sau:

1. Rà soát danh sách các liệt sỹ, lập hồ sơ những trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; xét tặng Huân chương độc lập cho gia đình có nhiều liệt sỹ theo quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định báo cáo UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước. Thời điểm hoàn thành chậm nhất đến 31/12/2017.

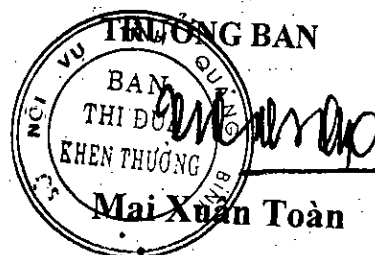
2. Rà soát hồ sơ khen thưởng thành tích kháng chiến (huân, huy chương) còn tồn đọng tại địa phương, những trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét, lập hồ sơ gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định báo cáo UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước. Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn phải thông báo kết quả và giải thích rõ cho đối tượng.

3. Giải quyết kịp thời chế độ đối với cá nhân, gia đình có bằng khen kháng chiến theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Kính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c)
- Sở LĐTB & XH
- Lưu: VT.



Số: 433 /HD-BTĐKT

Quảng Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2017

SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG BÌNH	
Số	396
Ngày	01/11/2017
Chuyển	

HƯỚNG DẪN

Về việc rà soát hồ sơ khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn tồn đọng

Để giải quyết hồ sơ tồn đọng khen thưởng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và kịp thời trình các cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn một số nội dung rà soát, thẩm định hồ sơ khen thưởng kháng chiến như sau:

1. Khen thưởng kháng chiến chống Pháp

Đối tượng tiêu chuẩn rà soát, thẩm định thực hiện theo Thông tư số 15-TTg ngày 12/01/1961 và Thông tư số 84-TTg ngày 22/8/1962 của Phủ Thủ tướng.

Riêng đối tượng là lực lượng vũ trang không thuộc thẩm quyền xem xét; những đối tượng đã thẩm định không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, không thuộc đối tượng; và những đối tượng đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ, nay không xem xét rà soát đợt này.

- Mốc thời gian để tính thành tích chống Pháp từ ngày 19/12/1946 (ngày Toàn quốc kháng chiến) đến ngày 20/7/1954.

Lực lượng du kích tính từ tháng 3/1947 (ngày Pháp đổ bộ vào Đồng Hới, Quảng Bình) đến ngày 20/7/1954.

- Khen thưởng chống Pháp khen theo chức vụ nên lấy năm công tác thực tế không nhân hệ số.

- Những người trước đây bị quy sai thành phần, sau khi cải cách ruộng đất không có quyết định sửa sai thì không được xem xét khen thưởng.

- Người hoạt động kháng chiến chống Pháp ở địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó trình hồ sơ khen thưởng.

2. Khen thưởng kháng chiến chống Mỹ

2.1. Tiêu chuẩn

Thực hiện theo Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước ban hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ.

Mốc thời gian và mức khen thưởng:

- Mốc thời gian: Tính từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975.
- Mức khen thưởng đã nhân hệ số:
 - + Huân chương kháng chiến hạng Nhất: từ 20 năm trở lên;
 - + Huân chương kháng chiến hạng Nhì: từ 15 năm đến dưới 20 năm;
 - + Huân chương kháng chiến hạng Ba: từ 10 năm đến dưới 15 năm;
 - + Huy chương kháng chiến hạng Nhất: từ 7 năm đến dưới 10 năm;
 - + Huy chương kháng chiến hạng Nhì: từ 5 năm đến dưới 7 năm.

Riêng Thương binh xếp hạng Thương tật từ 61% trở lên được nâng một mức khen thưởng; Liệt sỹ được khen thưởng mức thấp nhất là Huân chương kháng chiến hạng Ba; Người tham gia kháng chiến chưa đủ năm xét khen thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, nhưng có Giấy chứng nhận tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh và có thời gian tham gia kháng chiến được 1 năm trở lên thì vẫn được xét tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Người tham gia kháng chiến không đủ 1/3 thời gian chống chiến tranh phá hoại (2 năm 9 tháng) bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên thì hạ một mức khen thưởng, bị án phạt tù hoặc buộc thôi việc thì không được khen thưởng.

2.2. Đối tượng rà soát, thẩm định

Thực hiện theo Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước ban hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ; Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc Hướng dẫn thi hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ cứu nước; các văn bản hướng dẫn của Trung ương và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2.3. Hồ sơ gồm có:

- Bản khai thành tích tham gia kháng chiến;
- Các giấy tờ liên quan để làm căn cứ xét thưởng:
 - + Đối tượng là cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc, bộ đội phục viên, xuất ngũ, ... thực hiện theo Phụ lục kèm theo Công văn số 305/TĐKT ngày 18/6/1999 của Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước.
 - + Đối tượng hoạt động ở địa phương thực hiện theo Công văn số 169/BTĐKT ngày 23/6/2011 và Công văn số 291/BTĐKT ngày 11/8/2011 của Ban Thi đua - Khen thưởng.
- Biên bản xét duyệt của xã, phường, thị trấn;
- Đơn trình bày của cá nhân có xác nhận của địa phương nơi cư trú, nêu rõ lý do đến nay mới làm hồ sơ đề nghị khen thưởng.

(Hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm: 02 bộ bản chính)

2.4. Cách tính thời gian kháng chiến nhân hệ số đề nghị mức khen thưởng:

- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Bình trở ra, từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1,25;
- Đối với lực lượng vũ trang hoạt động từ Quảng Trị trở vào, Lào, Campuchia (B, C, K): nhân hệ số 1,5;
- Đối với cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc:
 - + Từ ngày 20/7/1954 đến tháng 7/1964: nhân hệ số 1;
 - + Từ ngày 5/8/1964 đến ngày 28/01/1973: nhân hệ số 1,25 (vùng thường xuyên có chiến sự từ Nghệ An vào đến Vĩnh Linh);
 - + Từ tháng 02/1973 đến ngày 30/4/1975: nhân hệ số 1.
- Đối với đối tượng hoạt động ở địa phương:
 - + Đối tượng là cán bộ chủ chốt: nhân hệ số như cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc;
 - + Đối tượng là cán bộ không chủ chốt phải giảm đi 2 năm: tức là nhân hệ số 0,7 (nếu đủ 7 năm công tác thì trừ đi 2 năm sau đó nhân hệ số vùng chiến sự).
- Những đối tượng trước đây đã thẩm định không thuộc đối tượng, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, những đối tượng đã được khen thưởng theo 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ nay không xem xét rà soát đợt này.

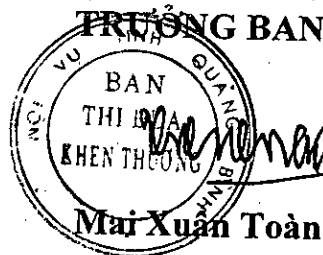
Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát kỹ các đối tượng đề nghị khen thưởng đợt này và đối chiếu danh sách các đối tượng đã được khen, không đủ tiêu chuẩn để tránh khen trùng, khen nâng hạng.

Trên đây là một số nội dung Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn công tác rà soát, thẩm định hồ sơ khen thưởng kháng chiến tồn đọng. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện, đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và thời gian quy định.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng Nội vụ các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, HCTH.



**BẢNG TIÊU CHUẨN THƯỜNG HUÂN CHƯƠNG VÀ HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN
THEO CÁC CHỨC VỤ QUY ĐỊNH TRONG ĐIỀU LỆ KHEN THƯỞNG**

- pháp -

CHỨC VỤ	Huân chương kháng chiến hạng nhất				Huân chương kháng chiến hạng nhì				Huân chương kháng chiến hạng ba				Huy chương kháng chiến hạng nhất				Huy chương kháng chiến hạng nhì				CHÚ THÍCH	
	Ở vùng tự do		Ở vùng hậu địch		Ở vùng tự do		Ở vùng hậu địch		Ở vùng tự do		Ở vùng hậu địch		Ở vùng tự do		Ở vùng hậu địch		Ở vùng tự do		Ở vùng hậu địch			
	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN	TN		TN
	CV(1)	KC(2)	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC	CV	KC		CV
- Cán bộ lãnh đạo cấp T U của Nhà nước. - Cán bộ lãnh đạo chuyên trách cấp T U của các đoàn thể	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	năm	
	Không kể thâm niên là bao nhiêu																					
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã	1	5	X	3																		
- Liên khu ủy viên	1	5	X	3																		
- Ủy viên UBND xã	5	5	3	X																		
- Bí thư, phó bí thư đoàn thể xã	5	5	3	X																		
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh																						
- Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy	5	5	3	X	1	5	X	3														
- Tỉnh ủy viên	5	5	3	X	1	5	X	3														
- Ủy viên UBND tỉnh					1	5	X	3														
- Bí thư, Phó bí thư đoàn thể tỉnh					1	5	X	3														
- Chủ tịch; Phó chủ tịch UBND huyện																						
- Ủy viên thường vụ Huyện ủy					5	5	3	X	1	3	X	2										
- Huyện ủy viên					5	5	3	X	1	3	X	2										
- Bí thư đoàn thể huyện									1	3	X	2										
- Ủy viên UBND huyện									1	3	X	2										
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã																						
- Ủy viên thường vụ Chi ủy xã									5	3	X	2										
- Ban chỉ huy xã đội									5	3	X	2										
- Ban chỉ huy công an xã									5	3	X	2										
- Chi ủy viên xã									5	3	X	2										
- Ủy viên UBND xã									5	3	X	2										
- Ủy viên thường vụ ban chấp hành đoàn thể xã									5	3	X	2										
- Nhân viên chuyên nghiệp công tác giao thông xã													3									
- Cán bộ phụ trách công tác dịch vụ													3									
- Đội viên du kích													3									
- Đội viên thanh niên xung phong chuyên hoạt động phục vụ kháng chiến.																						
- Công nhân viên chức cơ quan chính quyền và đoàn thể từ huyện trở lên.														5		3		3		2		

(1) TNCV = Thâm niên chức vụ.
(2) TNKC = Thâm niên chuyên phục vụ kháng chiến.

4/10

BẢNG TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG NHÂN DÂN CÓ CÔNG TRONG KHÁNG CHIẾN

THÀNH TÍCH	Huân chương kháng chiến hạng ba	Huy chương kháng chiến hạng nhất	Huy chương kháng chiến hạng nhì	Bảng khen
1. Cán bộ của xã, thôn, xóm: — Công tác ở vùng tự do — Công tác ở vùng hậu địch			5 năm 3 năm	3 năm 2 năm
2. Nuôi chứa cán bộ, cho mượn nhà đặt trụ sở cơ quan: — Ở vùng tự do — Ở vùng hậu địch không có tề nguy gian ác — Ở thành phố, thị xã, thị trấn bị địch chiếm và ở thôn, xóm có tề nguy gian ác	5 năm	3 năm	5 năm 3 năm 2 năm	4 năm 1 năm 6 tháng
3. Chứa vũ khí: — Ở vùng tự do cho mượn nhà chứa kho tàng vũ khí — Ở vùng hậu địch không có tề nguy gian ác đã cho mượn nhà chứa vũ khí.			3 năm	4 năm 1 năm
— Ở thành phố, thị xã, thị trấn và ở thôn xóm có tề nguy gian ác đã cất giấu vũ khí.			2 năm	hoặc 5 lần
4. Nuôi dưỡng thương binh: — Ở vùng tự do nuôi dưỡng thương binh loại II và loại III. — Ở vùng tự do nuôi dưỡng thương binh loại I, loại đặc biệt. — Ở vùng hậu địch không có tề nguy gian ác đã nuôi dưỡng và bảo vệ thương binh. — Ở thành phố, thị xã, thị trấn và thôn xóm có tề nguy gian ác đã nuôi dưỡng và bảo vệ thương binh.	5 năm 3 năm	3 năm 2 năm		1 năm 1 năm 1 tháng hoặc 5 lần 15 ngày hoặc 5 lần
5. Làm một giao, chuyển đưa tài liệu, tin tức liên lạc: — Ở thành phố, thị xã, thị trấn và ở thôn xóm có tề nguy gian ác.			2 năm	6 tháng
6. Chuyên chở đồ: — Ở vùng hậu địch không có tề nguy gian ác. — Ở thành phố, thị xã, thị trấn và ở thôn xóm có tề nguy gian ác.			4 năm 2 năm	1 năm 6 tháng
7. Dân công:			(1)	(2)
8. Các loại thành tích xuất sắc khác:	(3)	(4)	(5)	